

Bản án số: 292/2017/HC-PT
Ngày 13 tháng 10 năm 2017
V/v: “*Khiếu kiện quyết định
hành chính...*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Mười**

Các thẩm phán: Ông **Trần Xuân Minh**

Ông **Võ Văn Khoa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Anh Tuấn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2017/TLPT-HC ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện quyết định điều chỉnh diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyết định hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 49/2017/HC-ST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 589/2017/QĐPT ngày 22 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông **Đỗ Tấn H**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: số 20 BTC, khu phố 3, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thị xã KT, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **La Văn D** – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã KT (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà **Đinh Thị Thu T**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: số 20 BTC, khu phố 3, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của ông **Đỗ Tấn H** và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của có nội dung như sau:**

Phần đất thừa số 60, tờ bản đồ số 1-8, tọa lạc tại khu phố 3, phường 1, thị xã KT (trước đây là thị trấn MH, huyện MH) được Ủy ban nhân dân huyện MH cấp cho ông Nguyễn Văn B theo Quyết định 66/QĐ.UB ngày 06/5/1989. Sau khi được cấp giấy thì ông B làm nhà trên đất. Ngày 05/11/1994, ông làm giấy mua bán với ông B toàn bộ thừa đất và nhà trên đất theo nguyên hiện trạng mà không tiến hành đo đạc diện tích thực tế. Giấy mua bán được Ủy ban nhân dân huyện MH xác nhận. Sau khi mua đất, ông sinh sống ổn định, các mốc giới, ranh giới được giữ nguyên hiện trạng, không có bất cứ thay đổi gì, hàng năm ông đều nộp thuế nhà đất.

Thực hiện chính sách đất đai quản lý của nhà nước, ông được chính quyền đo đạc và hướng dẫn làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 17/12/2013, ông được Ủy ban nhân dân huyện MH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ054147, số vào sổ 01921 với diện tích 116,3m², thửa 60, tờ bản đồ số 1-8.

Ngày 24/02/2006, Ủy ban nhân dân huyện MH cấp Giấy phép xây dựng số 09/GPXD cho ông với nội dung cho phép xây dựng nhà 01 tầng trệt mái tole; diện tích xây dựng 58,733m² trên diện tích đất 116,3m², thửa 60, tờ bản đồ 1-8. Ông đã tiến hành xây dựng nhà theo đúng giấy phép được cấp. Sau khi xây xong, ông đã báo cáo chính quyền địa phương.

Ngày 14/12/2006, Phòng Kinh tế hạ tầng huyện MH đã tiến hành kiểm nhận thi công xây dựng đối với công trình theo giấy phép xây dựng số 09/GPXD. Đoàn kiểm tra đã kết luận ông đã xây dựng đúng phép và hồ sơ đủ điều kiện công nhận, cấp phép chính thức.

Năm 2013, nhà nước mở đường từ nhánh rẽ LL đến cụm bến xe (nay là đường VVT). Ông bị thu hồi và được bồi thường 02m² đất theo Quyết định thu hồi số 1088/QĐ.UBND ngày 27/3/2013 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 562/QĐ-UBND ngày 05/02/2013 của Ủy ban nhân dân huyện MH.

Ngày 26/4/2013, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện MH ghi biến động tại trang 4 với nội dung thu hồi 02m² đất, diện tích còn lại là 114,3m² đất. Sau khi nhà nước thu hồi đất và làm đường xong, ông tiến hành xây dựng tường bao đúng với ranh giới thửa đất để quản lý, sử dụng ổn định.

Quyết định 1637/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã KT và Quyết định số 509/QĐ.UB ngày 26/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện MH không đúng với thực trạng sử dụng đất và trái với quy định của pháp luật đất đai. Quyết định 509 ký ban hành ngày 26/02/2004 cho đến khi có thông báo 118 ngày 18/7/2015 của UBND thị xã KT (sau gần 12 năm) ông mới biết nội dung. Tại thời điểm ban hành, Luật đất đai 1993 đang có hiệu lực, quyết định đã không nêu cụ thể điều khoản nào làm căn cứ ban hành quyết định. Thực tế Luật đất đai không có quy định nào cho phép Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định điều chỉnh diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Sau khi thị xã KT được thành lập năm 2003, thửa đất của ông thuộc địa phận khu phố 3, phường 1, thị xã KT. Ủy ban nhân dân thị xã KT thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai trong phạm vi địa giới hành chính trên cơ sở hồ sơ chuyển giao từ Ủy ban nhân dân huyện MH. Được biết qua kiểm tra, Ủy ban nhân dân thị xã KT phát hiện quyết định 509 của Ủy ban nhân dân huyện MH từ năm 2004 chưa được thực hiện. Đáng lẽ Ủy ban nhân dân thị xã KT phải kiểm tra lại

toàn bộ hồ sơ địa chính, các biến động của thửa đất kết hợp với khảo sát đo đạc thực địa để đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của quyết định trước khi ban hành Quyết định 1637/QĐ-UBND ngày 25/5/2016. Luật đất đai 2013 không có quy định nào cho phép UBND cấp huyện được ban hành quyết định hủy một phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho người sử dụng đất. Như vậy rõ ràng quyết định này đã trái với quy định của luật đất đai 2013.

Thực tế, ông sử dụng thửa đất ổn định hơn 20 năm, ranh giới, mốc giới rõ ràng, cụ thể:

Phía bắc giáp thửa 61 của ông Nguyễn Xuân B1.

Phía Nam giáp đường BTC

Phía Đông giáp đường VVT;

Phía Tây giáp thửa 76 của ông Trương Văn V.

Khi nhà nước làm đường VVT đã thu hồi và bồi thường cho ông diện tích $02m^2$ ở phía đông (giáp đường VVT). Điều này chứng tỏ ranh giới đất phía đông (giáp đường VVT) thửa đất của ông đã được nhà nước thừa nhận trước và sau khi mở đường. Quyết định 509 điều chỉnh giảm $46,75m^2$ diện tích đất của ông thì giảm ở phía nào, chiều nào? Tại sao điều chỉnh giảm mà tôi vẫn được bồi thường $02m^2$ khi thu hồi?

Từ những nội dung và phân tích trên, ông khẳng định Quyết định 509/QĐ-UBND ngày 26/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện MH và Quyết định 1637 của Ủy ban nhân dân thị xã KT là không có căn cứ pháp luật, trái với thực trạng sử dụng ổn định lâu dài của ông. Không những thế, các quyết định còn trái với Giấy phép xây dựng số 09/GPXD ngày 24/02/2016, Quyết định thu hồi đất 1088/QĐ-UBND ngày 27/3/2013 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường 562/QĐ-UBND ngày 05/02/2013 của Ủy ban nhân dân huyện MH.

Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 509/QĐ-UBND ngày 26/02/2014, Quyết định 1637 ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã KT.

*** Ủy ban nhân dân thị xã KT, tỉnh Long An có văn bản 857/UBND-TNMT ngày 19/8/2016 trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H và lời trình bày của ông La Văn D – đại diện theo ủy quyền được tóm tắt như sau:**

Ngày 06/5/1989, Ủy ban nhân dân huyện MH ban hành Quyết định số 66/UB.QĐ.89 về việc cấp tạm đất thổ cư cho cán bộ, công nhân viên, trong đó có ông Nguyễn Văn B với diện tích mỗi lô là $80m^2$ (4×20). Ngày 05/11/1994, ông Nguyễn Văn B làm giấy sang nhượng lại nhà đất cho ông Đỗ Tấn H. Ngày 31/7/1999, ông Đỗ Tấn H làm đơn đăng ký nhà ở, đất ở với diện tích $116,3m^2$, thuộc thửa số 60, tờ bản đồ số 1-8.

Ngày 17/12/2003, Ủy ban nhân dân huyện MH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Tấn H số vào sổ 01921, với diện tích $116,3m^2$, tuy nhiên theo họa đồ tại trang 3 thể hiện chiều ngang phần đất là $04m$ x chiều dài $17,5m$, như vậy chỉ có $70m^2$.

Ngày 21/02/2004, Phòng Nông nghiệp – địa chính huyện MH và Ủy ban nhân dân thị trấn MH tiến hành đo đạc thực tế phần đất ông H đang sử dụng, qua đó xác định phần đất này ngang $4m$ x dài $17,5m$ đúng như trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được phê duyệt, về vấn đề này ông H đồng ý và ký tên vào

Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất của mình và được Ủy ban nhân dân thị trấn MH phê duyệt cùng ngày. Ngày 25/02/2004, ông H có đơn xin điều chỉnh diện tích sử dụng từ 116,3m² xuống còn 69,56m² cho đúng với thực tế sử dụng. Ngày 26/02/2004, Ủy ban nhân dân huyện MH ban hành Quyết định 509/QĐ.UB về việc điều chỉnh diện tích cho ông H với lý do sai diện tích mở rộng đường giao thông do đo đạc đại trà theo hồ sơ kỹ thuật và bản đồ địa chính. Cùng ngày 26/02/2004, ông Đỗ Tấn H nộp lệ phí trước bạ với số tiền 17.400đ. Tuy nhiên trong quá trình cấp phát hồ sơ, cán bộ lúc bấy giờ đã sơ xuất giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H khi chưa thực hiện điều chỉnh diện tích trên trang 4 theo Quyết định 509 nêu trên. Ngày 13/12/2010, Ủy ban nhân dân huyện MH có Công văn 703/UBND-VP về việc thống nhất cho áp giá bồi thường, hỗ trợ công trình đường số 1 và số 2, cụm dân cư bến xe. Trong đó có nội dung: đối với diện tích đất bị thu hồi từ 10m² trở lên có giấy tờ theo quy định thì bồi thường, còn nhỏ hơn 10m² thì vận động hiến đất.

Ngày 17/01/2011, Ủy ban nhân dân huyện MH ban hành Quyết định 84/QĐ-UBND về việc thu hồi 3,6m² đất của ông H để thi công. Ngày 05/02/2013, Ủy ban nhân dân huyện MH ban hành Quyết định 562/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ giá trị tài sản trên đất hộ ông Đỗ Tấn H để làm đường từ nhánh rẽ Lê Lợi đến cụm dân cư bến xe.

Ngày 27/3/2013, Ủy ban nhân dân huyện MH ban hành Quyết định 1088/QĐ-UBND về việc thu hồi 02m² đất của ông H để làm đường từ nhánh rẽ LL đến cụm dân cư bến xe. Ngày 26/4/2013, Phòng Tài nguyên môi trường điều chỉnh thu hồi 02m² đất trên trang 4 giấy chứng nhận của ông H.

Ngày 29/01/2016, Ủy ban nhân dân thị xã KT ban hành Quyết định 230/QĐ-UBND về việc điều chỉnh tên người bị thu hồi đất từ Đỗ Tấn Tài thành Đỗ Tấn H trong Quyết định 1088 ngày 27/3/2013 của Ủy ban nhân dân huyện MH. Ngày 14/7/2015, Ủy ban nhân dân thị xã KT có Thông báo 118/TB-UBND về việc điều chỉnh giấy chứng nhận của ông H theo Quyết định 509. Ngày 17/7/2015, ông H làm đơn khiếu nại thông báo này.

Ngày 29/7/2015 và 20/8/2015, Phòng Tài nguyên môi trường đã phối hợp với các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân phường 1 tổ chức làm việc với ông H và bà T để giải thích và đề nghị ông H giao giấy chứng nhận để điều chỉnh tuy nhiên ông H không đồng ý và khiếu nại. Ngày 06/4/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã KT ban hành Quyết định 987/QĐ-CT UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông H, bác đơn khiếu nại của ông H. Ngày 25/5/2016, Ủy ban nhân dân thị xã KT ban hành Quyết định 1637/QĐ-UBND về việc hủy một phần diện tích 46,74m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 49/2017/HC-ST ngày 26/6/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ vào quy định tại Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào quy định Luật đất đai năm 2003, Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 86, Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ vào Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tấn H về việc yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định 509/QĐ.UB ngày 26/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện MH về việc điều chỉnh diện tích đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã KT về việc hủy một phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Tấn H, ngụ khu phố 3, phường 1, thị xã KT.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện ông Đỗ Tấn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Đỗ Tấn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy các Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 26/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện MH về việc điều chỉnh diện tích đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã KT về việc hủy một phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ có thể hiện trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Tấn H. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Các đương sự cũng không cung cấp hay bổ sung thêm chứng cứ gì mới, và cũng không có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 12/7/2016, ông Đỗ Tấn H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An, yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 26/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện MH và Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã KT là trong thời hiệu khởi kiện, căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính, thì việc khởi kiện của ông Đỗ Tấn H còn trong hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[2] Về thẩm quyền: Ngày 26/02/2004, Ủy ban nhân dân huyện MH ban hành Quyết định 509/QĐ-UBND về việc điều chỉnh diện tích đất ở và Quyết định 1637/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã KT về việc hủy một phần diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Tấn H. Về hình thức và thẩm quyền ban hành là đúng theo quy định của Luật đất đai năm 2003, Luật đất đai năm 2013, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[3] Về nội dung: Nguồn gốc đất thửa 60, tờ bản đồ số 1-8, diện tích 116,3m², loại đất ODT, tọa lạc tại khu phố 3, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An, được Ủy

ban nhân dân huyện MH tạm cấp đất thổ cư cho ông Nguyễn Văn B theo Quyết định 66/QĐ.UB.89 ngày 06/5/1989. Đến ngày 05/11/1994, ông B sang nhượng lại nhà và đất cho ông Đỗ Tấn H sử dụng đến nay.

[5] Căn cứ vào Quyết định 66/QĐ.UB.89 ngày 06/5/1989 của Ủy ban nhân dân huyện MH về việc tạm cấp đất thổ cư cho 11 hộ cán bộ công nhân viên, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn B, mỗi hộ đều có diện tích $80m^2$ ($4 \times 20m$). Ngày 05/11/1994, ông B và bà Tùng (vợ ông B) sang nhượng nhà đất được cấp cho ông Đỗ Tấn H với giá 05 chỉ vàng 24K. Ngày 17/12/2003, Ủy ban nhân dân huyện MH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Tấn H phần đất thửa số 60, tờ bản đồ 1-8, đất tọa lạc tại phường 1 thị xã KT hiện nay với diện tích $116,3m^2$ là nhiều hơn diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn B.

[6] Ngày 21/02/2004, Phòng Tài nguyên môi trường huyện MH cùng Ủy ban nhân dân thị trấn MH tiến hành lập biên bản xác nhận ranh giới mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng) của ông Đỗ Tấn H, có họa đồ mốc giới, tứ cạnh các số đo: Đông giáp hẻm về phía các thửa 58, 59, Tây giáp thửa đất ông Trương Văn V (thửa 76) đều có số đo 17,5m; Nam giáp hẻm 86; Bắc giáp phần đất nhà nước quản lý đều có số đo 4m. Biên bản này có ông H ký tên. Ngày 25/02/2004, ông Đỗ Tấn H làm đơn xin điều chỉnh diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân thị trấn MH có nội dung: Hiện trạng sử dụng đất thửa 60 tờ bản đồ 1-8, diện tích $69,56m^2$, mục tiêu đề: Nội dung và đề nghị điều chỉnh “Đất của tôi đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện ký ngày 17/12/2003 với diện tích $116,3m^2$ do đo đạc thực tế diện tích $69,56m^2$, tôi đồng ý cấp theo diện tích $69,56m^2$ đúng với thực tế của tôi sử dụng”.

[7] Căn cứ vào kết quả kiểm tra diện tích thực tế thửa đất số 60 và đơn xin điều chỉnh nêu trên, ngày 26/02/2004, Ủy ban nhân dân huyện MH ban hành Quyết định 509/QĐ-UB về việc điều chỉnh diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đã cấp cho ông H đối với thửa 60, tờ bản đồ 1-8, diện tích từ $116,3m^2$ còn lại $69,56m^2$ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật đất đai. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện MH không triển khai thực hiện và điều chỉnh, chỉnh lý biên động đất đai, về diện tích đối với thửa 60 nêu trên. Vì vậy trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đỗ Tấn H đứng tên đến nay diện tích vẫn còn $116,3m^2$ kể cả thu hồi $3,6m^2$ để mở rộng hẻm 86 cũng không điều chỉnh biến động, đến năm 2015 mới triển khai thực hiện Quyết định 509/QĐ-UB bằng Thông báo số 118/TB-UBND ngày 14/7/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã KT.

[8] Xét thấy Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã KT về việc hủy một phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Tấn H số 01921 ngày 17/12/2003, diện tích $46,74m^2$, lý do ông H không mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến cơ quan chức năng điều chỉnh diện tích cho đúng thực tế sử dụng theo Thông báo số 118/TB-UBND ngày 14/7/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã KT là có căn cứ.

[9] Xét thấy biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất lập ngày 21/02/2004 thể hiện họa đồ vị trí thửa đất về phía Đông giáp hẻm về phía các thửa 57, 58, 59; Theo các bản trích đo địa chính lập ngày 04/10/2012 để làm căn cứ thu hồi mở lộ, nay là đường VVT đối với thửa 59 chủ sử dụng Nguyễn Hồng L diện tích $80m^2$, thửa 58 chủ sử dụng Bùi Thị Kiều H1 diện tích $80,94m^2$; vị trí thửa 59

về phía Tây cũng giáp hẻm về phía thửa 60 của ông Đỗ Tấn H. Nhưng trích đo bản đồ địa chính do Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất HP lập ngày 01/11/2016 được chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã KT duyệt ngày 28/11/2016 thì không còn hẻm và tứ cận của thửa 60 có số đo như sau: Đông giáp lề đường VVT 17,5m; Tây giáp thửa 76 17,5m, Nam giáp đường BTC 5,8m, Bắc giáp đường nước công cộng 7m, tổng diện tích 117,1m². So với diện tích nhận chuyển nhượng nhà đất của ông Nguyễn Văn B 80m² vào năm 1994 thửa 37,1m² (chưa trừ diện tích thu hồi 5,6m²). Vì vậy có căn cứ xác định ông Đỗ Tấn H sử dụng diện tích cát nhà phụ 2 và 3 trên phần đất công (hẻm cũ).

Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án hành chính sơ thẩm số: 49/2017/HC-ST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tấn H về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 26/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện MH về việc điều chỉnh diện tích đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã KT về việc hủy một phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Tấn H, ngụ khu phố 3, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Bởi vì:

Do đó các Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 26/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện MH về việc điều chỉnh diện tích đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã KT về việc hủy một phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Tấn H, ngụ tại khu phố 3, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An là đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Tấn H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông hủy các quyết định: Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 26/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện MH về việc điều chỉnh diện tích đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã KT về việc hủy một phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Tấn H, ngụ khu phố 3, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Đỗ Tấn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng ông H cũng không cung cấp hay bổ sung thêm tình tiết chứng cứ nào mới để làm cơ sở cho việc yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Tấn H.

Từ những phân tích trên; Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét đơn kháng cáo của ông Đỗ Tấn H là không có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Tấn H. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Tấn H. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo, ông Đỗ Tấn H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Tấn H. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 49/2017/HC-ST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 358 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào quy định Luật đất đai năm 2003; Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 86, Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ vào Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Tấn H về việc yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định 509/QĐ.UB ngày 26/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện MH về việc điều chỉnh diện tích đất ở trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã KT về việc hủy một phần diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Tấn H, ngụ khu phố 3, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An.

2. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Tấn H phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000280 ngày 20/7/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

- Án phí phúc thẩm: Ông Đỗ Tấn H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0009619 ngày 13/7/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- * Tòa án nhân dân tối cao;
- * Viện kiểm sát nhân dân cấp cao
tại TP. Hồ Chí Minh;
- * TAND tỉnh Long An;
- * VKSND tỉnh Long An;
- * Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An;
- * Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- * NKK (1);
- * NBK (1);
- * NLQ (3)
- * Lưu (3).14b.(AN 18)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Văn Mười